TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ- ST
Ngày 27 - 11 - 2018
"V/v: tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Phan Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-DS ngày 19/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Tổ dân phố Y, phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 8 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Ngày 21/6/2012 chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị có về làm dâu nhà anh N, ở chung với bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 anh N đi làm ăn xa vợ chồng bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do anh N không quan tâm đến vợ con và có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên anh N rất nhiều, nhưng anh N vẫn không thay đổi. Vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được, nên tháng 6/2018 chị mang theo con gái là cháu Nguyễn Hoàng Trà M về nhà bố mẹ đẻ chị ở tổ dân phố Y, phường X, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống cho đến nay. Tháng 8 năm 2018 chị làm đơn xin ly hôn anh N, Tòa án đã báo gọi anh N nhiều lần đến làm việc nhưng anh N không đến. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 27/11/2012 (hiện đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ chị) và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/4/5015. Cháu L trước đây sinh sống cùng anh N tại phường T. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết việc ly hôn ngày 15/10/2018 cháu đã bị chết đuối. Nay quan điểm của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Trà M, chị không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang bán hàng quần áo ở chợ Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bố mẹ đẻ chị có nhà cửa đàng hoàng, tạo mọi điều kiện về nơi ăn chốn ở cho mẹ con chị.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã báo gọi anh N ra làm việc, nhưng anh N không có mặt. Tòa án phải phối hợp cùng địa phương đến nhà lấy lời khai của anh N. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về tình cảm anh xác nhận quá trình kết hôn và vợ chồng chung sống như chị T trình bày là đúng. Theo anh vợ chồng sống không hạnh phúc, không hợp nhau về tình cảm, mỗi khi vợ chồng cãi nhau chị T lại đưa con về nhà bố mẹ chị T sinh sống. Từ tháng 6/2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 27/11/2012, hiện đang ở cùng chị T; cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/4/5015 hiện đang ở cùng anh. Ly hôn quan điểm của anh N xin nuôi cháu L còn chị T nuôi cháu My không ai phải đóng góp nuôi con chung cho ai.

Về quan hệ tài sản: Anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau đó Tòa án tiếp tục báo gọi anh N đến nhà làm việc, nhưng anh N không có mặt, Tòa án đến nhà anh N nhưng không gặp được anh N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và anh N đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc. Tại phiên tòa anh N tiếp tục vắng mặt lần hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 27/11/2012, cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu My đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi N cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 15 tháng 8 năm 2018 chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tống tụng dân sự năm 2015.

[2] . Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T với anh Nguyễn Văn N Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2012 tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này chị T và anh N đều xác nhận vợ chồng sống không có tiếng nói chung và sống không hạnh phúc, từ tháng 6/2018 vợ chồng sống ly thân, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó cho đến nay. Nay hai vợ chồng không có hướng để đoàn tụ, nên chị T xin ly hôn anh N cũng nhất trí. Anh N biết chị T xin ly hôn, nhưng Tòa báo gọi anh không đến làm việc, từ đó cho thấy anh N thực sự không quan tâm đến tâm tư tình cảm của chị T, tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa anh N vắng mặt, chị T vẫn xin được ly hôn, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh N đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 27/11/2012, hiện đang ở cùng chị T và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/4/5015. Cháu L trước đây sinh sống cùng anh N tại phường T, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết việc ly hôn cháu Long đã bị chết đuối. Tại Trích lục khai tử số: 774/TLKT-BS ngày 31/10/2018 của UBND phường T xác nhận cháu Nguyễn Gia L đã chết ngày 15/10/2018, nguyên nhân do đuối nước .

Chị Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng xin nuôi cháu Nguyễn Hoàng Trà M và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị T là tự nguyện và chính đáng, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ.

Chị T hiện có chỗ ở ổn định và đang bán hàng quần áo ở chợ Xuân Hòa,thành phố Phúc Yên thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Nên ly hôn cần giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi, chăm sóc giáo dục và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần được chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh ngày 27/11/2012, cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0003423 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phiên - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy